TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 11 - 02 - 2020
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Xuân Toàn.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Diện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kim L, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Đội 1, thôn Ph, xã Ph, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Phan Thị Kim L trong đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2019, bản tự khai ngày 24/12/2019 và tại phiên tòa chị L trình bày:*

Chị L và anh Lê Văn Th yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17/6/2011. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh Th thuộc thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh

Quảng Bình. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được khoảng một năm thì đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th thường xuyên đánh bài, lô đề, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ, con dẫn đến vợ chồng hay cải vã nhau, làm sứt mẻ tình cảm. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Th vẫn chứng nào tật đó làm tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Lê Văn Th.

Về con chung: Chị L trình bày vợ, chồng có một con chung là Lê Anh S, sinh ngày 17/12/2011, hiện đang sinh sống cùng chị L. Sau ly hôn, chị L nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ điều kiện, khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày vợ, chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Văn Th quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt, nhưng tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 21/01/2020, anh Th trình bày:*

Việc kết hôn, chung sống và phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh Th cơ bản nhất trí như trình bày của chị L. Theo trình bày của anh Th thì vợ chồng ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Anh Th xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên nếu chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh chấp nhận theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh Th khai vợ chồng anh và chị L có một con chung Lê Anh S, sinh ngày 17/12/2011 như chị L trình bày; nguyện vọng nếu ly hôn anh Th giao con chung Lê Anh S, sinh ngày 17/12/2011 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con vì hiện anh không có công việc và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án: Sau khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành lập hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật, gửi thông báo thụ lý vụ án dân sự cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp, tiến hành gửi và mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng như tiến hành các thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo theo luật định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim L, cụ thể: Về tình cảm: Xử cho chị Phan Thị Kim L được ly hôn anh Lê Văn Th. Về con chung: Giao con chung Lê Anh S cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Th không đóng góp cấp dưỡng nuôi con vì chị L có đủ điều kiện, khả năng năng nuôi con và không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có, đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim L ly hôn anh anh Lê Văn Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn Th được Tòa án triệu tập hợp lệ đến để giải quyết nhưng anh Th vắng mặt không có lý do chính đáng. Ngày 21/01/2020, Tòa án nhận được đơn của anh Th đề ngày 21/01/2020, trình bày do điều kiện công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Th theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Phan Thị Kim L tại phiên tòa thì chị L và anh Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17/6/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011, nên hôn nhân của chị L và anh Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn, đến năm 2014 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn được chị L xác nhận chủ yếu do anh Th ham chơi, hay đánh bài, chơi lô đề, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và vợ con. Theo trình bày của chị L thì trong quá trình chung sống chị L đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Th không từ bỏ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2014 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Th. Bị đơn anh Th trong văn bản đề ngày 21/01/2020, anh Th thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng lý do không phải như chị L trình bày, anh Th xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên nếu chị L kiên quyết ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Th xảy ra thời gian dài không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, qua xem xét Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị L và anh Th thừa nhận vợ chồng có một con chung là Lê Anh S, sinh ngày 17/12/2011, hiện tại đang sinh sống cùng chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện, khả năng nuôi con. Tại phiên tòa anh Th vắng mặt, nhưng trong đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 21/01/2020, anh Th có nguyện vọng giao con chung Lê Anh S cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Th không cấp dưỡng nuôi con với lý do hiện tại anh Th không có công việc và thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy, từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, được chị L đảm bảo cơ bản về mọi mặt cuộc sống. Vì vậy, cần giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp về điều kiện sống, học tập và phát triển của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Th đóng góp cấp dưỡng nuôi và khẳng định chị đủ điều kiện để nuôi con; anh Th trình bày trong đơn không đóng góp cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại anh Th không có công việc, thu nhập ổn định. Xét thấy cần chấp nhận các yêu cầu của các bên không buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; sau này vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội

ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Phan Thị Kim L được ly hôn anh Lê Văn Th.

2. Giao con chung Lê Anh S, sinh ngày 17/12/2011 cho chị Phan Thị Kim L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Th không cấp dưỡng nuôi con vì chị Phạn Thị Kim L có đủ điều kiện, khả năng nuôi con và không yêu cầu. Anh Lê Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu, nên miễn xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số AA/2017/0005908 ngày 03/12/2019 (Nguyên đơn chị Phan Thị Kim L đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn chị Phan Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/02/2020); bị đơn anh Lê Văn Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Lệ Thủy;*
- *TAND tỉnh Quảng Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;*
- *UBND xã Ph (Nơi ĐKKH để ghi vào sổ Hộ tịch);*
- *Lưu VP;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải